

Số: 242/2024/QĐST-HNGĐ

G, ngày 28 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông NKT, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 1 ngách 188/66 thôn C 2, xã CB, huyện G, thành phố H.

Bị đơn: Bà HTL, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 1 ngách 188/66 thôn C 2, xã CB, huyện G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông NKT và bà HTL.
- Công nhận sự thoả thuận của ông NKT và bà HTL cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Ông NKT và bà HTL cùng xác định ông bà có 02 con chung là chị NTTA, sinh năm 1985 và anh NHL, sinh năm 1991. Chị A và anh L đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần. Việc chị A và anh L muốn ở đâu, với ai là quyền của chị A và anh L, ông T và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung nên Tòa án không xét.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Ông NKT và bà HTL không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông NKT đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0004157 ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Hoàn trả ông NKT số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã CB (GCNKH số 4/1985);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc